TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/DS-ST
Ngày 15-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tôn.

2. Ông Trần Văn Khổ.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Mang Đức Kham là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 03 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số: 1170/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T; địa chỉ: Số 89 đường L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thế Q, sinh năm 1990 - Nhân viên Ngân hàng TMCP Việt Nam T đại diện theo uỷ quyền (Theo văn bản uỷ quyền số 8875.10/2025/UQ-KHCN3-RCC4 ngày 02 tháng 10 năm 2025); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phan Trung B, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm 21, thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 06 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T trình bày:

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, ông Phan Trung B có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 51.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số DSA/VN 0010325/202211/3916, số hồ sơ giải ngân LD2232002023, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất vay ban đầu là 24%/năm. Đến ngày 17 tháng 11 năm 2022, ông Phan Trung B tiếp tục vay của Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 41%/năm theo Hợp đồng mở Thẻ số 325-P-6629040. Đến ngày 15 tháng 04 năm 2023, ông Phan Trung B tiếp tục vay của Ngân hàng số tiền 51.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số DSA/VN 0010325/202304/3914, số hồ sơ giải ngân LD2310700845, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất vay ban đầu 26%/năm. Ngoài ra còn những thỏa thuận khác được quy định trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Sau khi vay số tiền 51.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số DSA/VN 0010325/202211/3916, ông B đã trả nợ gốc 5.182.791 đồng, trả nợ lãi 4.877.299 đồng, trong đó lãi trong hạn đã trả 4.877.299 đồng và chưa trả lãi quá hạn. Tổng dư nợ còn lại mà ông B còn nợ của tín dụng nêu trên tính đến ngày 15 tháng 5 năm 2026 là 98.675.346 đồng, cụ thể nợ gốc còn lại 45.817.209 đồng, nợ lãi còn lại 52.858.137 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn 1.001.592 đồng và nợ lãi quá hạn 51.856.545 đồng.

Đối với Hợp đồng mở thẻ số 325-P-6629040, ông B đã trả nợ gốc 235.168 đồng, chưa trả nợ lãi và chưa trả phí. Tổng dư nợ còn lại mà ông B còn nợ của Hợp đồng mở thẻ nêu trên đến ngày 15 tháng 5 năm 2026 là 39.649.836 đồng, cụ thể nợ gốc 9.764.832 đồng, nợ lãi 29.885.004 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số DSA/VN 0010325/202304/3914, ông B đã trả nợ gốc 1.054 đồng và chưa trả nợ lãi. Tổng dư nợ còn lại mà ông B còn nợ của Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 15 tháng 5 năm 2026 là 113.901.915, cụ thể nợ gốc còn lại 50.998.946 đồng, nợ lãi còn lại 62.902.969 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn 1.017.205 đồng và nợ lãi quá hạn 61.885.764 đồng.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, ông Phan Trung B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng đối với các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc tạo điều kiện giải quyết khoản vay nhưng ông Phan Trung B vẫn không hợp tác. Việc vi phạm nghĩa vụ của ông Phan Trung B làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Phan Trung B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 98.675.346 đồng, trong đó tiền gốc là 45.817.209 đồng, tiền lãi là

52.858.137 đồng của Hợp đồng tín dụng số DSA/VN 0010325/202211/3916 ngày 16 tháng 11 năm 2022; số tiền 39.649.836 đồng, trong đó tiền gốc là 9.764.832 đồng, tiền lãi 29.885.004 đồng của Hợp đồng mở Thẻ Số 325-P-6629040 ngày 17 tháng 11 năm 2022; số tiền 113.901.915 đồng, trong đó tiền gốc là 50.998.946 đồng, tiền lãi là 62.902.969 đồng của Hợp đồng tín dụng số DSA/VN 0010325/202304/3914 ngày 15 tháng 4 năm 2023. Yêu cầu ông Phan Trung B tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra Ngân hàng không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Phan Trung B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà. Tuy nhiên, ông Phan Trung B không tham gia tố tụng, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 164 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 3, 117, 119, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 100, 103, 107 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Phan Trung B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 98.675.346 đồng, trong đó tiền gốc là 45.817.209 đồng, tiền lãi là 52.858.137 đồng của Hợp đồng tín dụng số DSA/VN 0010325/202211/3916 ngày 16 tháng 11 năm 2022; số tiền 39.649.836 đồng, trong đó tiền gốc là 9.764.832 đồng, tiền lãi 29.885.004 đồng của Hợp đồng mở Thẻ Số 325-P-6629040 ngày 17 tháng 11 năm 2022; số tiền 113.901.915 đồng, trong đó tiền gốc là 50.998.946 đồng, tiền lãi là 62.902.969 đồng của Hợp đồng tín dụng số DSA/VN 0010325/202304/3914 ngày 15 tháng 4 năm 2023. Buộc ông Phan Trung B tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Bị đơn

phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Trung B có nghĩa vụ trả các khoản nợ tín dụng theo các hợp đồng tín dụng mà các bên đã giao kết. Bị đơn ông Phan Trung B cư trú tại xóm 21, thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội, vụ án dân sự *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Trung B tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Phan Trung B.

[3] Về nội dung án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có căn cứ chứng minh, vào ngày 16 tháng 11 năm 2022, ông Phan Trung B có vay của Ngân hàng số tiền 51.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số DSA/VN 0010325/202211/3916, số hồ sơ giải ngân LD2232002023, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất vay ban đầu là 24%/năm. Đến ngày 17 tháng 11 năm 2022, ông Phan Trung B tiếp tục vay của Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 41%/năm theo Hợp đồng mở Thẻ số 325-P-6629040. Đến ngày 15 tháng 04 năm 2023, ông Phan Trung B tiếp tục vay của Ngân hàng số tiền 51.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số DSA/VN 0010325/202304/3914, số hồ sơ giải ngân LD2310700845, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất vay ban đầu 26%/năm. Ngoài ra còn những thỏa thuận khác được quy định trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Sau khi vay số tiền 51.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số DSA/VN 0010325/202211/3916, ông B đã trả nợ gốc 5.182.791 đồng, trả nợ lãi 4.877.299 đồng, trong đó lãi trong hạn đã trả 4.877.299 đồng và chưa trả lãi quá hạn; tổng dư nợ còn lại mà ông B còn nợ của tín dụng nêu trên tính đến ngày 15 tháng 5 năm 2026 là 98.675.346 đồng, cụ thể nợ gốc còn lại 45.817.209 đồng, nợ lãi còn lại 52.858.137 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn 1.001.592 đồng và nợ lãi quá hạn 51.856.545 đồng. Đối với Hợp đồng mở thẻ số 325-P-6629040, ông B đã trả nợ gốc 235.168 đồng, chưa trả nợ lãi và chưa trả phí; tổng dư nợ còn lại mà ông B còn nợ của Hợp đồng mở thẻ nêu trên đến ngày 15 tháng 5 năm 2026 là 39.649.836 đồng, cụ thể nợ gốc 9.764.832 đồng, nợ lãi 29.885.004 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng số DSA/VN 0010325/202304/3914, ông B đã trả nợ gốc 1.054 đồng và

chưa trả nợ lãi; tổng dư nợ còn lại mà ông B còn nợ của Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 15 tháng 5 năm 2026 là 113.901.915, cụ thể nợ gốc còn lại 50.998.946 đồng, nợ lãi còn lại 62.902.969 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn 1.017.205 đồng và nợ lãi quá hạn 61.885.764 đồng. Ngày 15 tháng 5 năm 2023, ông Phan Trung B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng đối với các hợp đồng tín dụng nêu trên. Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Do đó Ngân hàng yêu cầu ông Phan Trung B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng các khoản nợ đối với các hợp đồng tín dụng nêu trên; yêu cầu ông Phan Trung B tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 3, 117, 119, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các điều 100, 103, 107 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn ông Phan Trung B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền mà yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận 252.227.097 đồng x 5% = 12.611.354 đồng, lấy tròn số 12.611.000 đồng. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 4.747.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003242 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

[5] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều 3, 117, 119, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 100, 103, 107 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T.

2. Buộc ông Phan Trung B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền 98.675.346 đồng, trong đó tiền gốc là 45.817.209 đồng, tiền lãi là 52.858.137 đồng của Hợp đồng tín dụng số DSA/VN 0010325/202211/3916 ngày 16 tháng 11 năm 2022. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 16 tháng 5 năm 2026) ông Phan Trung B phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và các khoản phí khác của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất mà ông Phan Trung B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T theo quyết định của bản án này cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T.

3. Buộc ông Phan Trung B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền 39.649.836 đồng, trong đó tiền gốc là 9.764.832 đồng, tiền lãi 29.885.004 đồng của Hợp đồng mở Thẻ Số 325-P-6629040 ngày 17 tháng 11 năm 2022. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 16 tháng 5 năm 2026) ông Phan Trung B phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và các khoản phí khác của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất mà ông Phan Trung B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T theo quyết định của bản án này cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T.

4. Buộc ông Phan Trung B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền 113.901.915 đồng, trong đó tiền gốc là 50.998.946 đồng, tiền lãi là 62.902.969 đồng của Hợp đồng tín dụng số DSA/VN 0010325/202304/3914 ngày 15 tháng 4 năm 2023. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 16 tháng 5 năm 2026) ông Phan Trung B phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và các khoản phí khác của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất mà ông Phan Trung B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T theo quyết định của bản án này cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phan Trung B phải chịu số tiền 12.611.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm mười một nghìn đồng) án phí dân sự

sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.747.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003242 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 15 tháng 5 năm 2026). Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai;
- Chi cục thi hành án dân sự khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Minh